TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2025/QĐST-DS	*M, ngày 24 tháng 4 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 309/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Ông **Huỳnh Văn V** - Sinh năm: 1962; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Võ Thị Bé M** - Sinh năm: 1967; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Bé M: Ông **Huỳnh Văn V** - Sinh năm: 1962; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

** Bị đơn:*

- Bà **Đoàn Hà Thu N** - Sinh năm: 2001; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Nguyễn Trường G** - Sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông **Nguyễn Vũ B** - Sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Trần Hoàng S** - Sinh năm: 1983; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trương Thị T** - Sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trương Thị T: Ông **Nguyễn Văn N1** - Sinh năm: 1991; địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 27/11/2023 giữa ông Huỳnh Văn V, bà Võ Thị B1 Một với bà Đoàn Hà Thu N đối với phần đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 13, diện tích 397,5m^2, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Công nhận cho ông Huỳnh Văn V được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 13, diện tích 397,5m^2, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ, xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đoàn Hà Thu N vào ngày 29/7/2024 đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 13, diện tích 397,5m^2, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN07096 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn V đối với thửa số 103, tờ bản đồ số 13, diện tích 397,5m^2 như đã nêu trên.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục để xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất như đã nêu.

2.2) Hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất không ghi ngày tháng, chỉ ghi năm 2023 giữa bà Đoàn Hà Thu N với ông Huỳnh Văn V, bà Võ Thị B1 Một đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 13, diện tích 397,5m^2, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2.3) Ông Huỳnh Văn V và bà Võ Thị B1 Một có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Trường G và bà Đoàn Hà Thu N số tiền gốc là 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi còn lại là 37.973.000VNĐ (ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng); tổng cộng là: 237.973.000VNĐ (hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng). Ông Huỳnh Văn V và bà Võ Thị B1

Một có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Trường G và bà Đoàn Hà Thu N số tiền nêu trên (237.973.000VNĐ) vào ngày 16/6/2025.

2.4) Kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

2.5) Ghi nhận ông Huỳnh Văn V, bà Võ Thị Bé M tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 3.690.000VNĐ (ba triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng); số tiền này ông V, bà Bé M đã nộp đủ.

2.6) Về án phí: Ông Huỳnh Văn V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên ông V được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Bé M phải chịu 6.249.000VNĐ (sáu triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Bé M đã nộp là 600.000VNĐ (sáu trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006671 ngày 19/12/2024 và số 0009305 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bà Bé M còn phải tiếp tục nộp 5.649.000VNĐ (năm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên